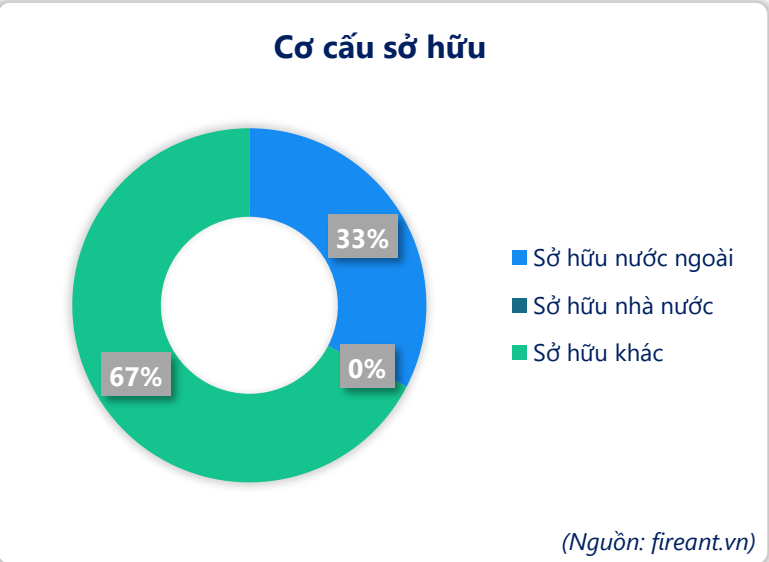
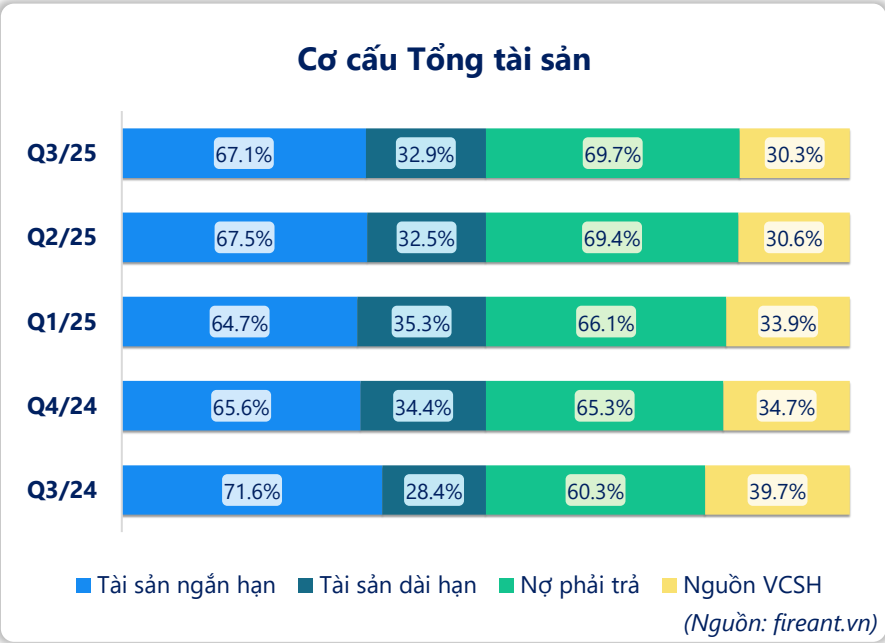
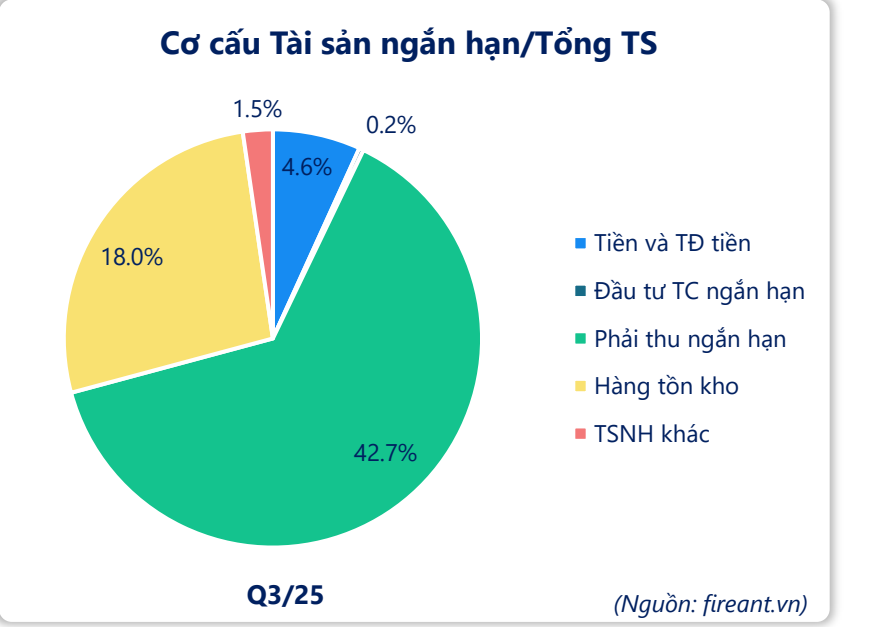
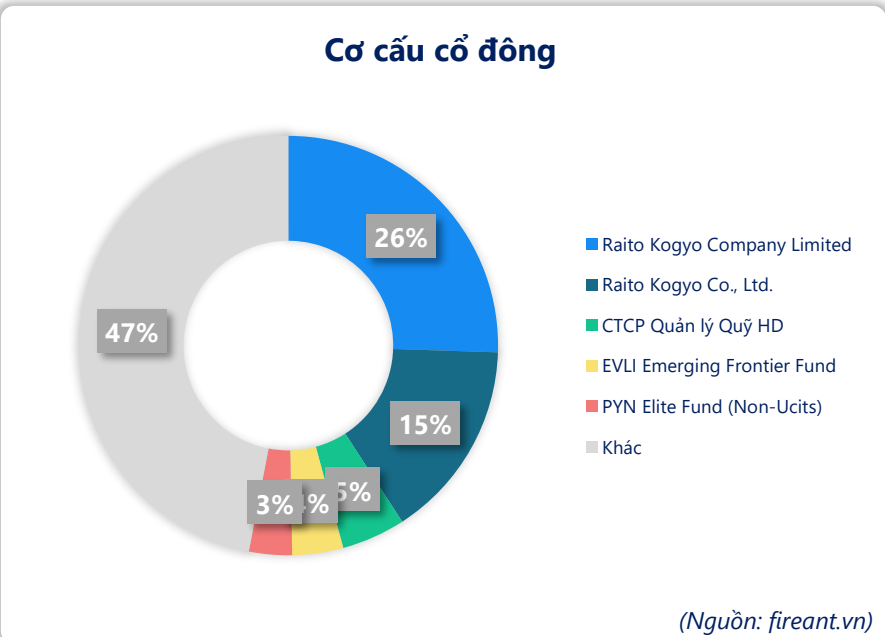
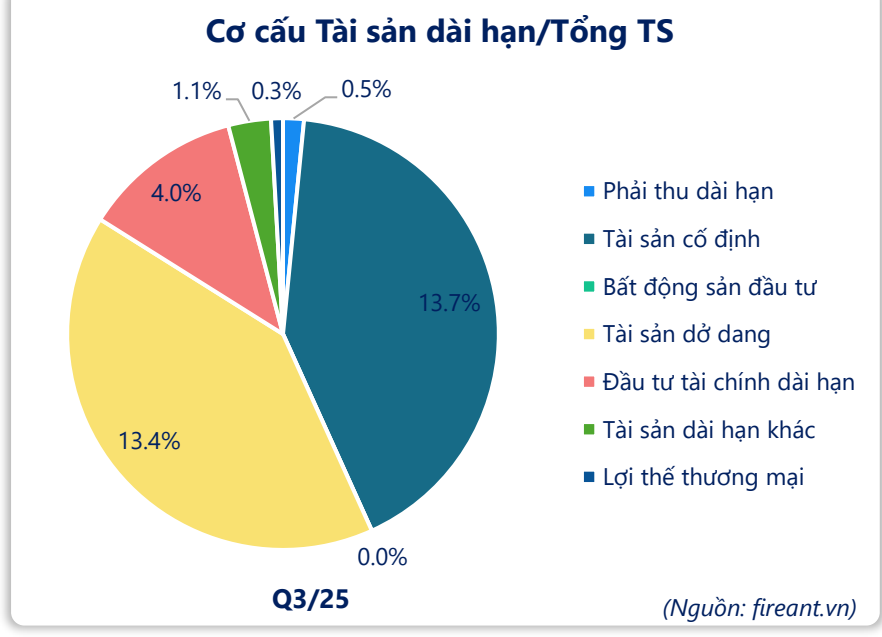
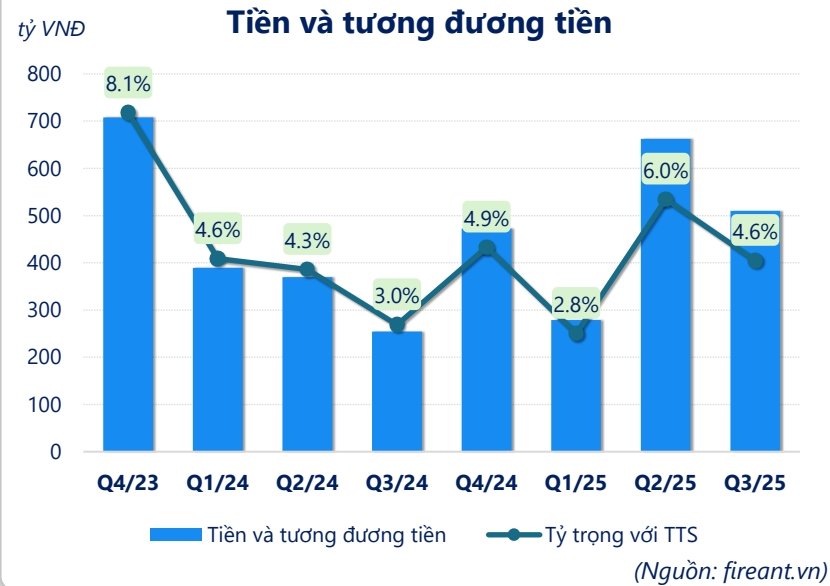
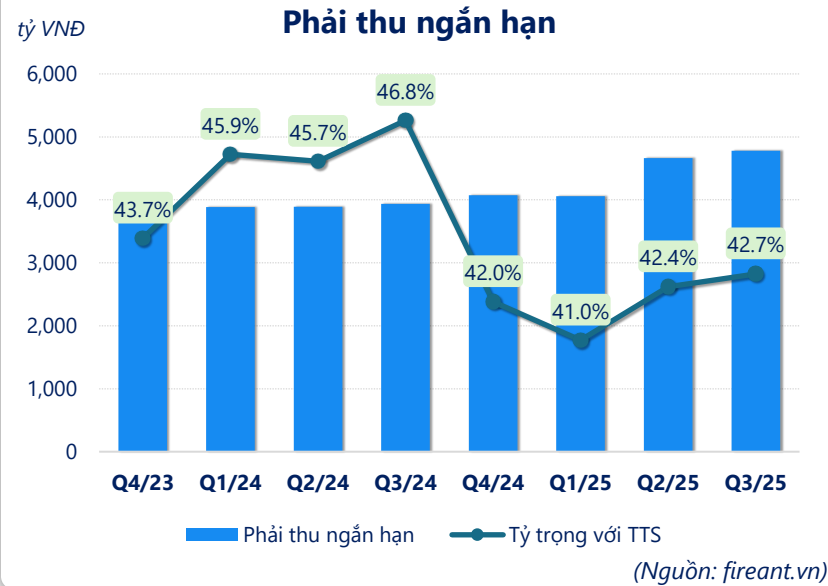
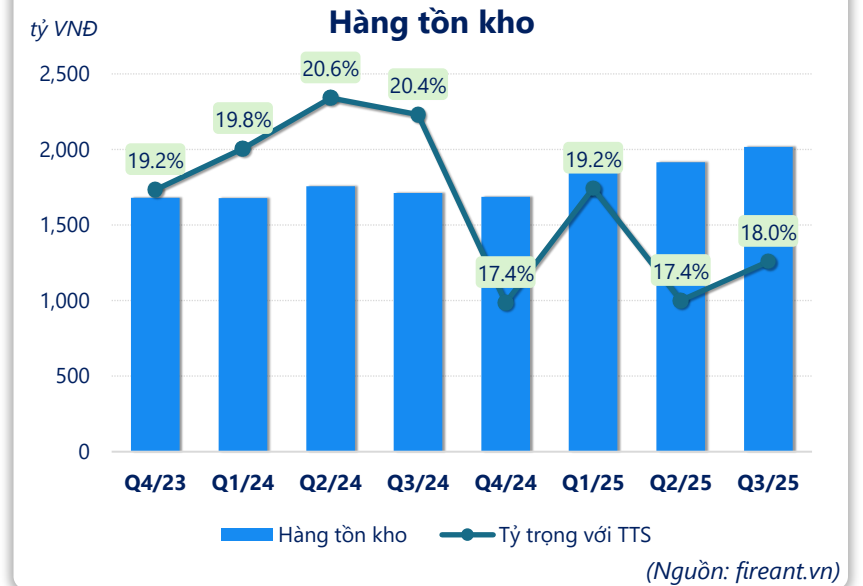
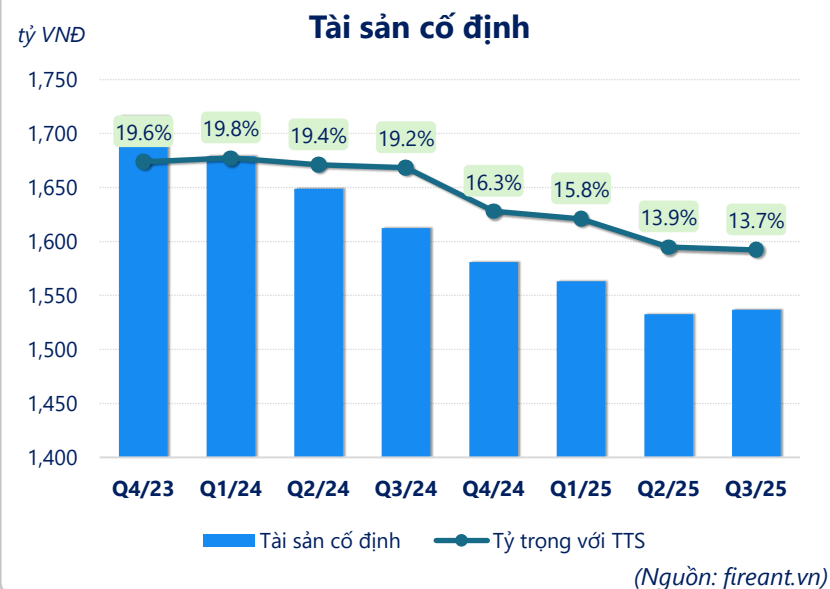
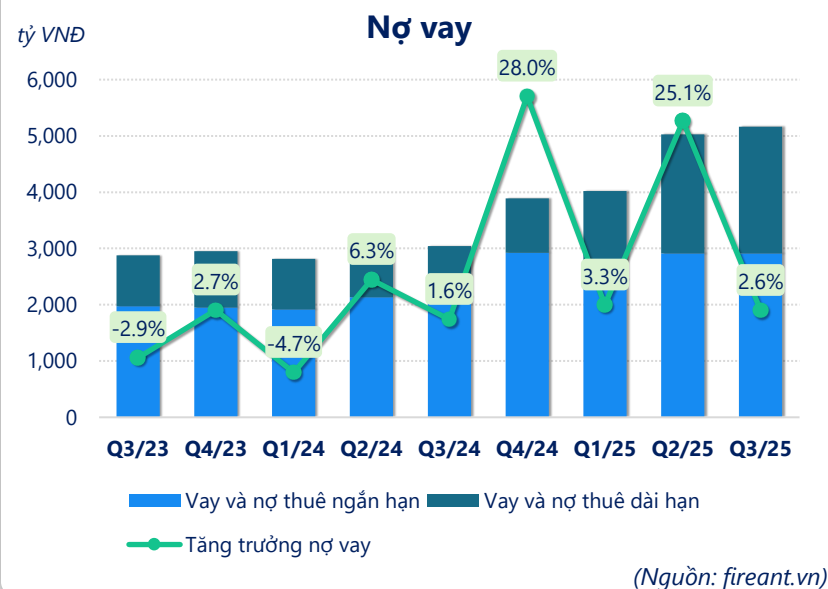
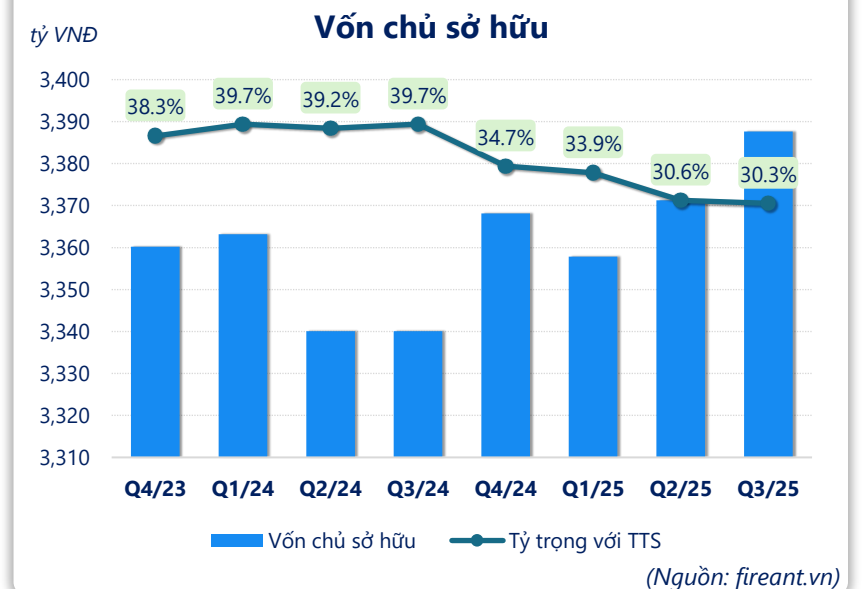
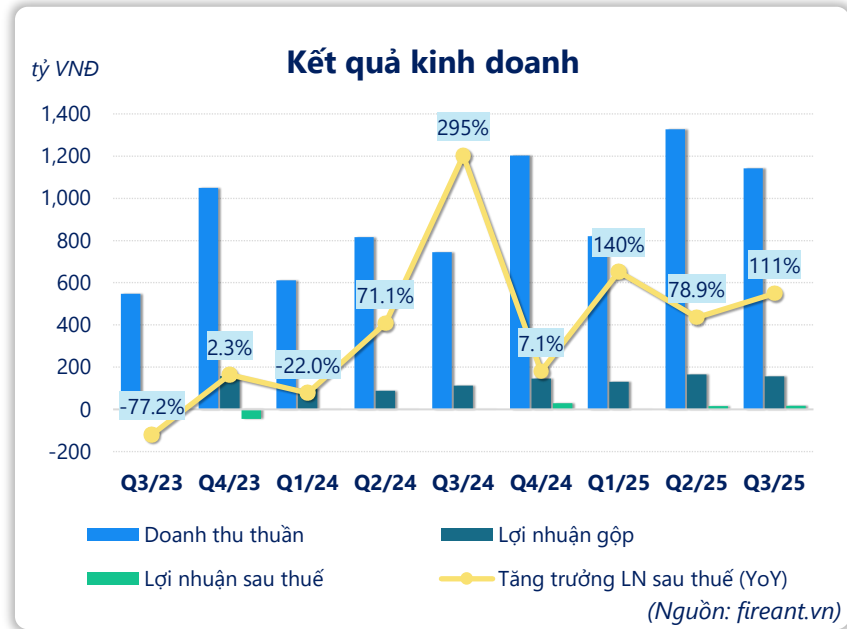
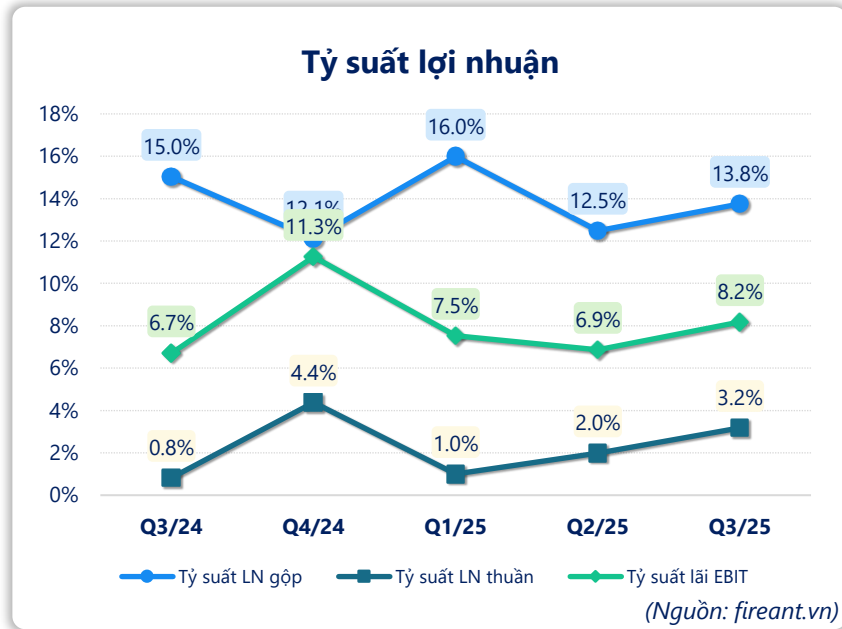
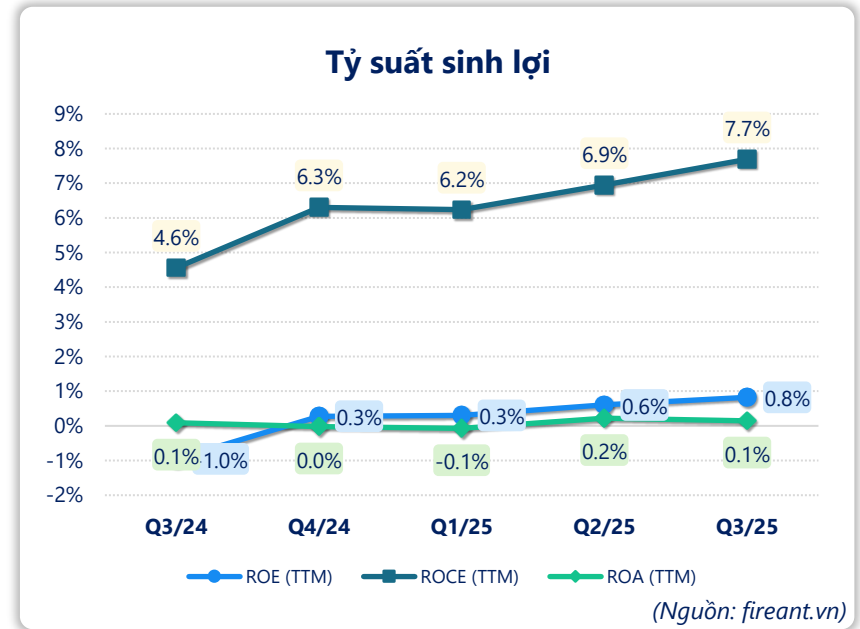
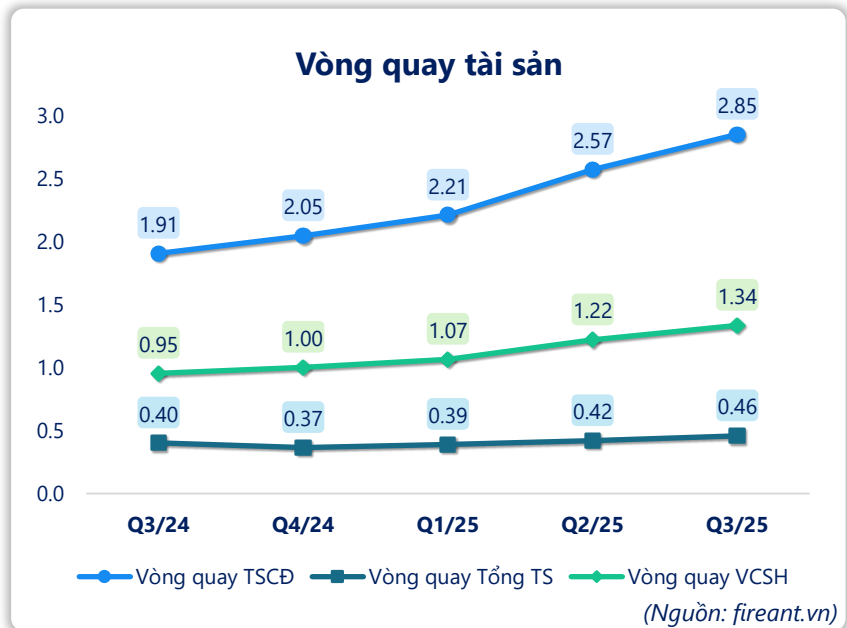
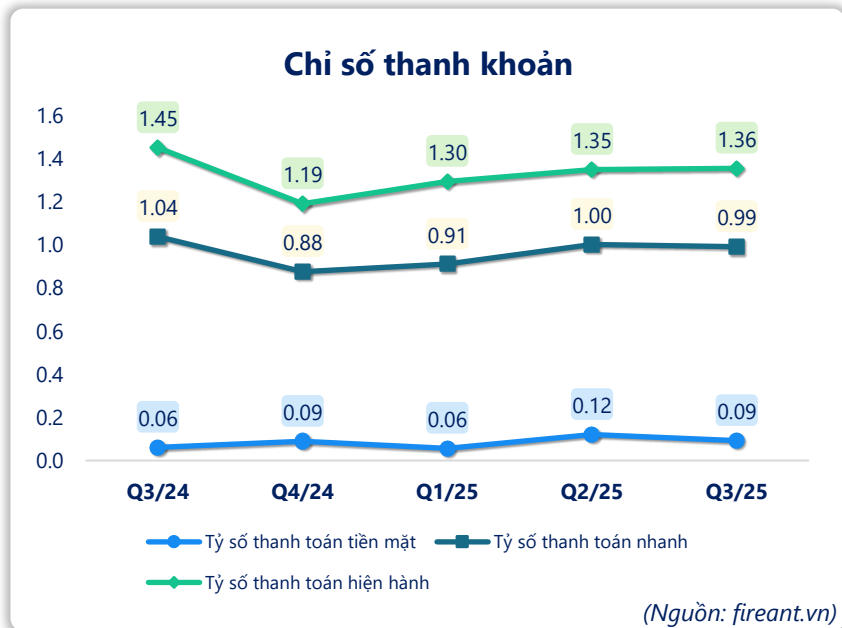
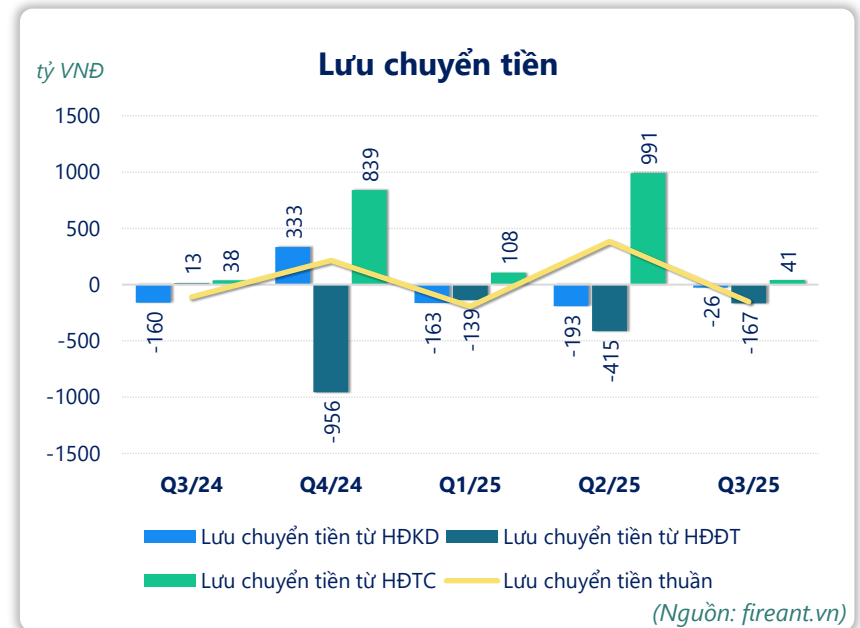


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,150
SL cổ phiếu LH		157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,762,385
% sở hữu nước ngoài		32.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,739
P/E		98.9
EPS		176

	YTD	1T	3T	6T
FCN	21.3%	-4.9%	27.5%	24.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,194	9,706	15.3%
Tài sản ngắn hạn	7,507	6,370	17.9%
Tiền và tương đương tiền	510	473	7.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.7	28.1	-8.6%
Phải thu ngắn hạn	4,781	4,077	17.3%
Hàng tồn kho	2,017	1,683	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	173	109	59.5%
Tài sản dài hạn	3,687	3,336	10.5%
Phải thu dài hạn	57.7	121	-52.4%
Tài sản cố định	1,537	1,582	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,500	1,032	45.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	442	453	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	118	111	6.7%
Lợi thế thương mại	32.7	38.1	-14.2%
Nợ phải trả	7,807	6,338	23.2%
Nợ ngắn hạn	5,534	4,809	15.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,910	2,381	22.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	941	809	16.4%
Nợ dài hạn	2,273	1,529	48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,252	1,511	49.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,388	3,368	0.6%
Vốn chủ sở hữu	3,388	3,368	0.6%
Vốn điều lệ	1,574	1,574	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	744	1,203	821	1,326	1,143
Giá vốn hàng bán	632	1,057	689	1,161	985
Lợi nhuận gộp	112	146	131	166	157
Doanh thu HĐTC	5.95	63.5	5.84	7.13	14.5
Chi phí TC	55.2	91.9	67.7	81.3	68.6
Chi phí lãi vay	46.3	85.5	57.6	66.6	69.2
LN trong công ty LKLD	-0.06	4.29	0.00	0.00	-0.04
Chi phí bán hàng	5.26	10.6	6.78	9.00	8.36
Chi phí QLDN	51.2	58.5	54.3	56.2	58.3
LN thuần từ HĐKD	6.12	52.6	8.23	26.3	36.3
Lợi nhuận khác	-2.53	-2.82	-4.02	-1.74	-12.1
LN trước thuế	3.58	49.8	4.21	24.5	24.2
Lợi nhuận sau thuế	0.03	28.8	1.05	16.0	16.5
LNST của CĐ cty mẹ	7.15	-2.02	-6.57	21.7	14.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-160	333	-163	-193	-26.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.5	-956	-139	-415	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	37.7	839	108	991	41.0
Tiền đầu kỳ	370	254	473	279	662
Lưu chuyển tiền thuần	-109	216	-194	383	-152
Ảnh hưởng tỷ giá	-5.85	2.85	0.03	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	254	473	279	662	510

(Nguồn: fireant.vn)